TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Nguyễn Trường Hận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 188/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị D** – sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Trương Văn T** – sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện sống chung nhau năm 1988, có tổ chức hôn lễ nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường siêng uống rượu say và đánh đập chị, hiện anh chị đã ly thân nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định, trong thời gian chung sống, chị và anh T có con 3 người con chung là Trương Kiều T – sinh năm 1989, Trương Văn Đ – sinh năm 1991 và Trương Minh T – sinh năm 1993. Hiện các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng ổn định nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thõa thuận với anh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Trương Văn T có nơi trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trương Văn T, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D là người khởi kiện, anh T là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị D là nguyên đơn, anh T là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị xác định nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, anh không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường siêng uống rượu say và đánh đập chị, nhưng quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến và phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ.

Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: Chị xác định, trong thời gian chung sống, chị và anh T có 3 người con chung nhưng hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị xác định tài sản chung tự thỏa thuận với anh T và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D về việc ly hôn với anh Trương Văn T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị D và anh Trương Văn T.

2. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002871 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ, chị Trương Thị D không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Trương Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp